

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 6

(18.9.2026)

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh là Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

2. Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến chấp thuận của các Bộ liên quan trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh có liên quan đến yêu cầu bảo đảm quan hệ ngoại giao của Việt Nam: Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao;

b) Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh có liên quan đến yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam: Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và/hoặc Bộ Công an;

c) Trường hợp nội dung hoạt động của Chi nhánh không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập Chi nhánh chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành: Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành.

d) Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh trong trường hợp tất cả các Bộ liên quan có ý kiến chấp thuận cấp phép”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 5 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 7: “1. Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc được pháp luật nước ngoài công nhận”.

b) Sửa đổi khoản 5 Điều 7: “Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện có liên quan đến yêu cầu bảo đảm quan hệ ngoại giao, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này”.

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Trường hợp nội dung hoạt động của Chi nhánh không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập Chi nhánh chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, việc thành lập Chi nhánh phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng quản lý chuyên ngành. Trường hợp nội dung hoạt động của Chi nhánh có liên quan đến yêu cầu bảo đảm quan hệ ngoại giao, yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, việc thành lập Chi nhánh phải được sự chấp thuận của Bộ có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này”.

4. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 10, điểm e khoản 1 Điều 12 và thành phần hồ sơ thuộc trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại điểm b khoản 1 Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 10: “đ) Bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện nếu là người nước ngoài”.

b) Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 12: “e) Bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Chi nhánh nếu là người nước ngoài”.

c) Sửa đổi trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại điểm b khoản 1 Điều 16: “- Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ

nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao hộ chiếu của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh nếu là người nước ngoài; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi”.

5. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 11: “1. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 11: “4. Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến Bộ liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ được xin ý kiến có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến trả lời, Cơ quan cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do”.

6. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 13: “1. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan cấp giấy phép theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng)”.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 13: “4. Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ liên quan có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Chi nhánh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ liên quan, Cơ quan cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do”.

7. Sửa đổi khoản 3, khoản 6 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 Điều 15: “3. Thay đổi người đứng đầu và/hoặc thay đổi thông tin của người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh”.

b) Sửa đổi khoản 6 Điều 15: “6. Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4, khoản Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 17: "2. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan cấp giấy phép theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, (nếu đủ điều kiện áp dụng)".

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 17: "4. Trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do."

c) Sửa đổi khoản 5 Điều 17: "5. Trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến phát sinh yêu cầu bảo đảm quan hệ ngoại giao, yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này."

d) Bổ sung khoản 6 Điều 17: "6. Trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Chi nhánh dẫn đến Chi nhánh thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 5 Điều 8 Nghị định này và trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Chi nhánh chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này".

đ) Bổ sung khoản 7 Điều 17: "7. Thương nhân nước ngoài chỉ phải nộp Bản sao các thành phần hồ sơ quy định tại Điều 16 Nghị định này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu thương nhân nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính".

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Chuyên địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác".

10. Sửa đổi khoản 1; bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 19:

"1. Trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này, hồ sơ 01 bộ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định này;

c) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh đã được cấp;

d) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh nơi chuyển đến theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định này”.

b) Bổ sung khoản 3 Điều 19:

“3. Thương nhân nước ngoài chỉ phải nộp Bản sao các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu thương nhân nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính”.

11. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1: “1. Thương nhân nước ngoài thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại nơi chuyển đi. Quá thời hạn nêu trên, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này; thủ tục cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này”.

b) Sửa đổi khoản 2: “2. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan cấp giấy phép theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, (nếu đủ điều kiện áp dụng)”.

12. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 23 như sau:

“1. Hồ sơ gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh phải được nộp trong thời hạn sớm nhất 60 ngày và muộn nhất 30 ngày trước khi Giấy phép hết hạn.

2. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, (nếu đủ điều kiện áp dụng)”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Gửi, lưu trữ hồ sơ và cập nhật thông tin

1. Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm gửi bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh dưới hình thức tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến: Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Bộ quản lý chuyên ngành (nếu có liên quan); cơ quan thuế, cơ quan thống kê và các cơ quan có liên quan nơi văn phòng đại diện, chi nhánh đặt trụ sở chính (nếu cần).

2. Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật về dữ liệu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập chi nhánh và chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh, Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”.

14. Sửa đổi khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, Văn phòng đại diện, Chi nhánh có trách nhiệm gửi báo cáo theo mẫu của Bộ Công Thương về hoạt động của mình trong năm trước đó theo một trong các cách thức sau: trực tiếp hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) tới Cơ quan cấp Giấy phép”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; sửa đổi khoản 3 Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 36: “c) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán (nếu có)”.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 36: “Đối với trường hợp Văn phòng đại diện, Chi nhánh chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh chỉ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a Điều 37:

"a. Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài phải niêm yết công khai, liên tục tại trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài về việc chấm dứt hoạt động trong ít nhất 30 ngày trước thời điểm chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh".

b) Sửa đổi khoản 1 Điều 37:

"1. Thương nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong thời hạn muộn nhất 30 ngày trước thời điểm chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh nêu tại Thông báo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 36, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động được quy định tại khoản 5

Điều 35 Nghị định này, theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, (nếu đủ điều kiện áp dụng)".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37:

"2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Cơ quan cấp Giấy phép căn cứ cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành và/hoặc thông tin do cơ quan có thẩm quyền cung cấp để kiểm tra, đối chiếu thông tin chứng minh việc Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài đã nộp hồ sơ đề nghị cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi Văn phòng đại diện, chi nhánh đăng ký tham gia, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế và chế độ cho người lao động đến thời điểm chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật".

17. Sửa đổi Điều 39 như sau:

"Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Quy định về mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh; mẫu Giấy phép; mẫu báo cáo của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; mẫu báo cáo của Cơ quan cấp Giấy phép.

2. Công khai nội dung cam kết của Việt Nam về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Chủ trì kiểm tra, giám sát công tác quản lý nhà nước của Cơ quan cấp Giấy phép về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

5. Chủ trì xây dựng, tổ chức quản lý, sử dụng và vận hành Cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định pháp luật".

18. Sửa đổi Điều 40 như sau:

"Điều 40. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan liên quan

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý chuyên ngành và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp với Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công theo quy định của Nghị định này

3. Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng, tổ chức quản lý, sử dụng và vận hành Cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định này”.

19. Sửa đổi Điều 41 như sau:

“Điều 41. Trách nhiệm của Cơ quan cấp Giấy phép:

1. Thực hiện theo thẩm quyền các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng, tổ chức quản lý, sử dụng và vận hành Cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định này.

3. Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại địa phương trong năm trước đó theo quy định của Nghị định này”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“1. Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp phép thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động cho đến hết thời hạn của Giấy phép đã cấp.

2. Đối với các hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh đã được Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thương nhân nước ngoài giải trình bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày Cơ quan cấp Giấy phép ban hành văn bản yêu cầu giải trình bổ sung. Quá thời hạn trên, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh thực hiện theo quy định tại Nghị định này”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Bãi bỏ Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 7 Điều 15, khoản 5 Điều 23, khoản 2 Điều 24 và Điều 42 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 202...

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

Lê Minh Hưng